

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2022/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 07 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp quản lý
cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên ban hành kèm theo
Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ
về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5
năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng
Bộ Công Thương quy định hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định
số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát
triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm
2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1396/TTr-SCT
ngày 03 tháng 6 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên ban hành kèm theo Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, với những nội dung sau:

1. Sửa đổi tên gọi của quy chế thành:

“Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, phương thức, nội dung, trách nhiệm phối hợp và một số nội dung trong công tác quản lý nhà nước đối với Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, 3, 4 Điều 5 như sau:

“2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Tổng hợp Danh mục các dự án xúc tiến đầu tư của tỉnh, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức các chương trình xúc tiến đầu tư, thu hút các nhà đầu tư vào tỉnh xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp.

b) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kế hoạch vốn đối với các dự án đầu tư công theo quy định.

3. Sở Tài chính

a) Phối hợp với các ngành là thành viên Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh thực hiện thẩm định phương án giá đất theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường; cho ý kiến về phương án giá các loại dịch vụ trong cụm công nghiệp theo đề nghị của Chủ đầu tư đối với dự án sử dụng vốn nhà nước.

b) Hướng dẫn chủ đầu tư trong việc sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước được hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp; tổ chức thanh tra, kiểm tra theo quy định.

c) Hướng dẫn, kiểm tra chủ đầu tư thực hiện công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành; thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành đối với các dự án có sử dụng vốn ngân sách nhà nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư theo đúng quy định.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị có liên quan xác định giá đất cụ thể, xây dựng phương án giá đất hoặc thuê tổ chức tư vấn xác định giá đất (nếu có) theo quy định và lập Hồ sơ trình Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh theo quy định đối với dự án sử dụng vốn nhà nước.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Xây dựng phương án phát triển cụm công nghiệp

1. Nội dung, hồ sơ, trình tự xây dựng phương án phát triển cụm công nghiệp thực hiện theo Điều 5, Điều 6 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm

2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Sở Công Thương chủ trì tổng hợp, xây dựng, hoàn thiện phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ, đề xuất danh mục phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn huyện gửi Sở Công Thương tổng hợp theo kỳ quy hoạch tỉnh.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Xử lý, tích hợp phương án phát triển cụm công nghiệp vào quy hoạch tỉnh, lấy ý kiến đối với quy hoạch tỉnh (trong đó có phương án phát triển cụm công nghiệp) theo quy định của pháp Luật quy hoạch để hoàn thiện, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

d) Các sở ngành, đơn vị có liên quan: Phối hợp xây dựng, hoàn thiện phương án phát triển cụm công nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan.

3. Quản lý phương án phát triển cụm công nghiệp sau khi được phê duyệt

Sở Công Thương chủ trì, phối hợp cùng các sở ngành, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, quản lý, theo dõi việc thực hiện đảm bảo theo nội dung phương án phát triển cụm công nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp

1. Cơ sở, nội dung, hồ sơ, trình tự điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp thực hiện theo Điều 7, Điều 8, Điều 9 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Sở Công Thương

Chủ trì tổng hợp, xây dựng, hoàn thiện báo cáo điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Chủ trì xem xét đối với các thay đổi nhỏ, thường xuyên về cụm công nghiệp gồm tên gọi, vị trí thay đổi trong địa giới hành chính cấp huyện, diện tích thay đổi phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn cấp huyện, ngành nghề

hoạt động, tiến độ đầu tư hạ tầng kỹ thuật và nội dung khác nhưng không làm thay đổi mục tiêu, bản chất, làm tăng diện tích sử dụng đất của phương án phát triển cụm công nghiệp trong quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt hoặc quỹ đất dành cho phát triển các cụm công nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản đề nghị Bộ Công Thương thống nhất để thực hiện và cập nhật, thể hiện trong quy hoạch tỉnh những nội dung thay đổi để báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại kỳ lập, phê duyệt quy hoạch tỉnh.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện: Căn cứ nhu cầu, tình hình hoạt động của các cụm công nghiệp trên địa bàn quản lý, đề xuất điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Xử lý, tích hợp điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp vào điều chỉnh quy hoạch tỉnh, lấy ý kiến đối với điều chỉnh quy hoạch tỉnh (trong đó có điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp) theo quy định của pháp luật quy hoạch để hoàn thiện, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

d) Các sở, ngành, đơn vị có liên quan: Phối hợp xây dựng, hoàn thiện báo cáo điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan đến điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

1. Điều kiện, nội dung, hồ sơ, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt, thời hạn tiếp nhận, hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp: Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP và Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ.

2. Lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ và Điều 4 Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

3. Đối với các cụm công nghiệp đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư theo Luật Đầu tư nhưng chưa có quyết định thành lập, khi Chủ đầu tư thực hiện điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp, chủ đầu tư phải thực hiện đồng thời thủ tục thành lập cụm công nghiệp, các nội dung dự án điều chỉnh sẽ được cập nhật vào quyết định thành lập cụm công nghiệp.

4. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Trách nhiệm của Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các sở ngành, đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo quy định tại khoản 1 và xem xét điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp. Là cơ quan thường trực giúp Hội đồng tổ chức thực hiện đánh giá lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ, Điều 4 Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản thống nhất với Bộ Công Thương trong trường hợp thành lập, mở rộng cụm công nghiệp có điều chỉnh diện tích lớn hơn 05 ha so với phương án phát triển cụm công nghiệp nằm trong quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc đơn vị đăng ký làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp lập hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp. Phối hợp Sở Công Thương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ.

c) Các sở ngành, đơn vị có liên quan tham gia thẩm định hồ sơ thành lập cụm công nghiệp, Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư và có ý kiến thẩm định hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

d) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp phối hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện lập hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 như sau:

“1. Quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp thực hiện theo Điều 17 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ và Điều 5 Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương”.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp không phải thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ.

2. Nội dung lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.

3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

a) Cơ quan chủ trì

Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện liên quan tiếp nhận, thẩm định dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định.

b) Cơ quan phối hợp

Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

c) Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp lập dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trình Sở Xây dựng thẩm định theo quy định.”.

9. Sửa đổi khoản 2 Điều 12 như sau:

“2. Nội dung, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành.”.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“Điều 14. Tiếp nhận và thực hiện dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp

1. Các thủ tục quy định thực hiện dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp bao gồm: cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư; thuê đất; chấp thuận giải pháp phòng cháy, chữa cháy/thẩm duyệt phòng cháy, chữa cháy; xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường/phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp giấy phép xây dựng.

2. Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư công trình trong cụm công nghiệp: Thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.

3. Cấp giấy phép xây dựng: Các công trình xây dựng trong cụm công nghiệp phải có giấy phép xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho chủ đầu tư, trừ các trường hợp miễn giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

4. Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào cụm công nghiệp thực hiện thủ tục thuê đất của nhà nước hoặc thuê lại đất đã đầu tư hạ tầng kỹ thuật của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật hoặc thuê lại phần đất của tổ chức, cá nhân đã thuê (của nhà nước hoặc của chủ đầu tư hạ tầng); quản lý, sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

5. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

a) Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các cơ sở sản xuất trong cụm công nghiệp

Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp: Hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư vào cụm công nghiệp về quy hoạch, bố trí ngành nghề, giá thuê đất, nhà xưởng, kho bãi, văn phòng, sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích, các thủ tục triển khai dự án đầu tư vào cụm công nghiệp và thỏa thuận nguyên tắc về vị trí, địa điểm, diện tích đất công nghiệp dự kiến thuê; ký hợp đồng cho thuê đất đối với nhà đầu tư dự án sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp; quản lý, sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Thực hiện đầy đủ về yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cụm công nghiệp theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Việc tiếp nhận dự án đầu tư mới (kể cả nâng công suất dự án đầu tư) vào cụm công nghiệp phải phù hợp với khả năng tiếp nhận, xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Dự án đầu tư thứ cấp chỉ được đi vào hoạt động khi hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp được đầu tư đồng bộ theo dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Các cơ sở sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp: Thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý về môi trường; đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường trong cụm công nghiệp theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các văn bản thỏa thuận với chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp. Thông báo cho chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường, đồng thời thông báo cho chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp khi xảy ra sự cố môi trường và thực hiện việc ứng phó, khắc phục sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận, tổ chức thẩm định dự án, trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, điều chỉnh, thu hồi Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định.

c) Sở Công Thương

Hướng dẫn về quy hoạch, bố trí ngành nghề, các thủ tục triển khai dự án đầu tư vào cụm công nghiệp; phối hợp thẩm định dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp.

d) Sở Tài nguyên và Môi trường

Hướng dẫn, lập và tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường.

đ) Công an tỉnh

Hướng dẫn, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đảm bảo an ninh, trật tự, quản lý hoạt động của người nước ngoài, công tác bảo vệ môi trường, triển khai phong trào toàn dân bảo vệ Tổ quốc tại các cụm công nghiệp theo quy định.

Hướng dẫn, xem xét, cho ý kiến về hạ tầng kỹ thuật liên quan đến công tác phòng cháy chữa cháy của cụm công nghiệp, địa điểm xây dựng các công trình thuộc cụm công nghiệp; thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy làm cơ sở để xem xét thẩm định dự án, thiết kế xây dựng, cấp phép xây dựng trước khi thi công đối với các dự án, công trình thuộc danh mục quy định tại phụ lục V ban hành theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ; tổ chức kiểm tra kết quả nghiệm thu an toàn về phòng cháy, chữa cháy làm cơ sở xem xét nghiệm thu công trình trước khi đưa vào sử dụng.

Phối hợp với các sở, ngành liên quan trong quá trình thẩm định đối với các dự án đầu tư.

e) Ủy ban nhân dân cấp huyện

Phối hợp thẩm định dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp trên địa bàn; hướng dẫn, thẩm định và xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền.

g) Các sở, ngành và đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình có trách nhiệm phối hợp thực hiện.”.

11. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 15 như sau:

“b) Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Giám sát xây dựng và giá dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp.
- Phối hợp hướng dẫn xây dựng và theo dõi thực hiện Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp.”.

12. Sửa đổi khoản 2, khoản 3 Điều 16 như sau:

“2. Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. Ngoài ra, còn phải thực hiện các báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Các mẫu văn bản, quy chế quản lý về cụm công nghiệp: Thực hiện theo Điều 11 Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.”

Điều 2. Bãi bỏ một số điều của Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên ban hành kèm theo Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, cụ thể:

Bãi bỏ khoản 2 Điều 1; Điều 9; điểm b khoản 1 Điều 15.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2022.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Quang Tiến